TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-12-2024
Về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Minh Quế;
Ông Trần Như Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị C, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.
- Bị đơn: Anh Bàn Tòn V, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị C trình bày:

Chị và anh Bàn Tòn V được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ tháng 12 năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức đám cưới chị và anh V chung sống cùng nhau tại thôn M, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 12 năm 2022 đến nay. Nay chị

C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Bàn Tòn V.

Về con chung: Chị và anh V có bốn người con chung Bàn Tòn N, sinh ngày 30/12/2004, Bàn Thị T, sinh ngày 24/7/2007, Bàn Ngọc S, sinh ngày 19/9/2016, Bàn Thị L, sinh ngày 11/02/2018. Cháu N đã thành niên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh V chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu L. Chị C nhất trí để anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Bàn Tòn V trình bày:

Anh và chị Lý Thị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2003, có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, anh và chị C chung sống với nhau tại thôn M, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 anh V đi làm xa nhà, ít có thời gian về thăm gia đình, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2021 chị C đưa con về nhà Bố Mẹ đẻ ở tại thôn S, xã T từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh V, anh V cũng nhất trí.

Về con chung: Anh V và chị C có 04 con chung Bàn Tòn N. sinh ngày 30/12/2004, Bàn Thị Th, sinh ngày 24/7/2007, Bàn Ngọc S, sinh ngày 19/9/2016, Bàn Thị L, sinh ngày 11/02/2018. Cháu N đã thành niên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh V và chị C, anh V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và nhất trí để chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu L. Anh và chị C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái, thể hiện: Chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 2003 tại thôn M, xã T huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Về con chung: Chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V có bốn người con chung Bàn Tòn N, sinh ngày 30/12/2004, Bàn Thị T, sinh ngày 24/7/2007, Bàn Ngọc S, sinh ngày 19/9/2016, Bàn Thị L, sinh ngày 11/02/2018. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V; Về con chung: Chị C và anh V có bốn người con Bàn Tòn N, sinh ngày 30/12/2004, Bàn Thị T, sinh ngày 24/7/2007, Bàn Ngọc S, sinh ngày 19/9/2016, Bàn Thị L, sinh ngày 11/02/2018. Cháu N đã thành niên, chị C và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.Chị C và anh V đã thống nhất thỏa thuận giao chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu L, anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị C và anh V về việc nuôi con. Về án phí: Chị Lý Thị C là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị C có đơn khởi kiện về việc Ly hôn (không công nhận vợ chồng) với anh Bàn Tòn Vảng, cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Anh Bàn Tòn V vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Bàn Tòn V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi chị C và anh V sinh sống xác nhận chị C và anh V không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (bút lục 04 và bút lục 19). Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Chị C và anh V chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung

sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử không công nhận chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn Vả là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị C và anh V có bốn người con Bàn Tòn N sinh ngày 30/12/2004, Bàn Thị T, sinh ngày 24/7/2007, Bàn Ngọc S, sinh ngày 19/9/2016, Bàn Thị L, sinh ngày 11/02/2018. Cháu N đã thành niên, chị C và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Chị C và anh V đã thỏa thuận giao cháu S và cháu L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C, anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là cháu S và cháu L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị C , anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lý Thị C là người dân tộc Dao, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với chị Lý Thị C.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V.

2. Về con chung: Chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V có bốn người con chung Bàn Tòn N, sinh ngày 30/12/2004, Bàn Thị T, sinh ngày 24/7/2007, Bàn Ngọc S, sinh ngày 19/9/2016, Bàn Thị L, sinh ngày 11/02/2018. Cháu N đã thành niên.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V, giao con chung Bàn Ngọc S, sinh ngày 19/9/2016, Bàn Thị L, sinh ngày 11/02/2018 cho chị Lý Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu S, cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và giao con chung Bàn Thị T, sinh ngày 24/7/2007 cho anh Bàn Tòn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Lý Thị C và anh Bàn Tòn V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lý Thị C, anh Bàn Tòn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí*:* Chị Lý Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Lý Thị C 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2003/0001138 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bàn Tòn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương